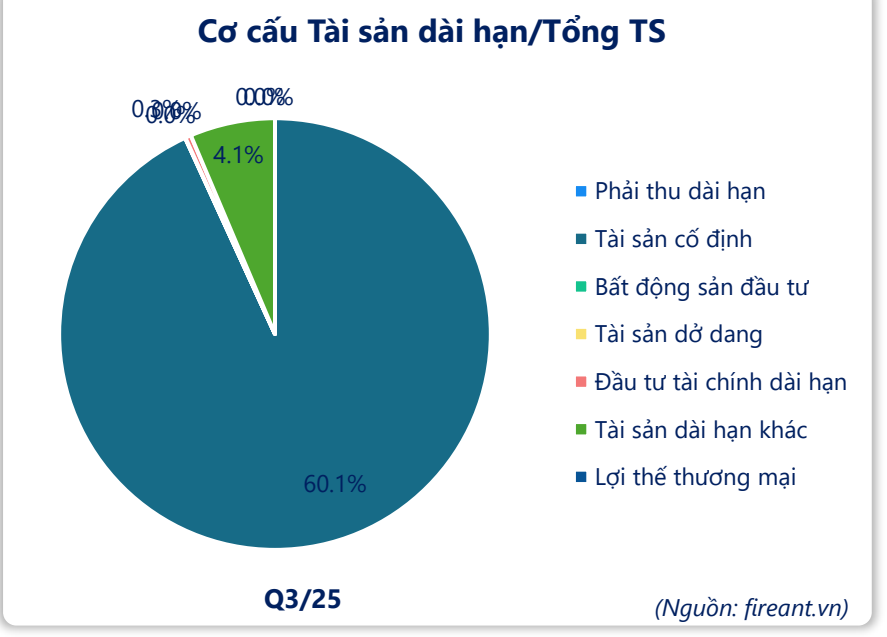
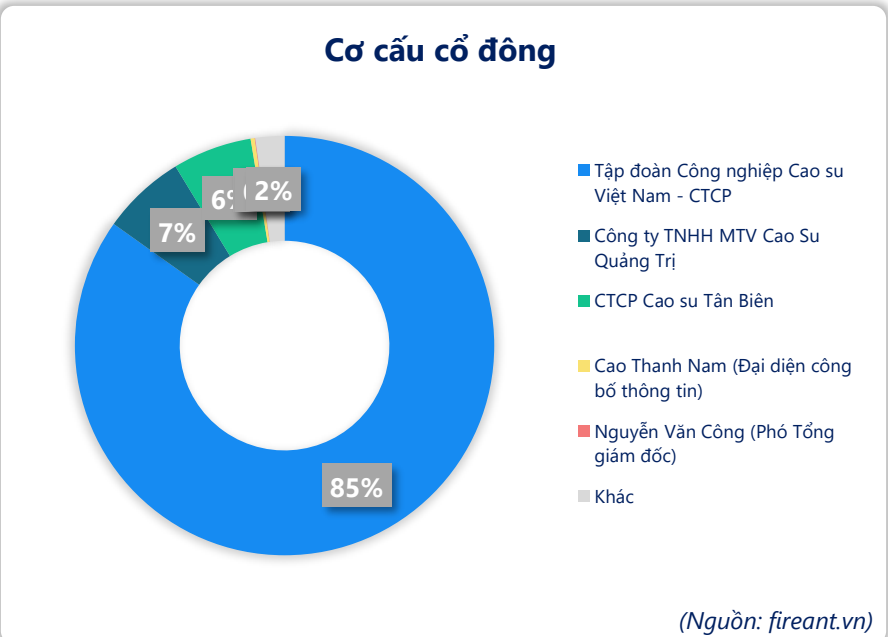
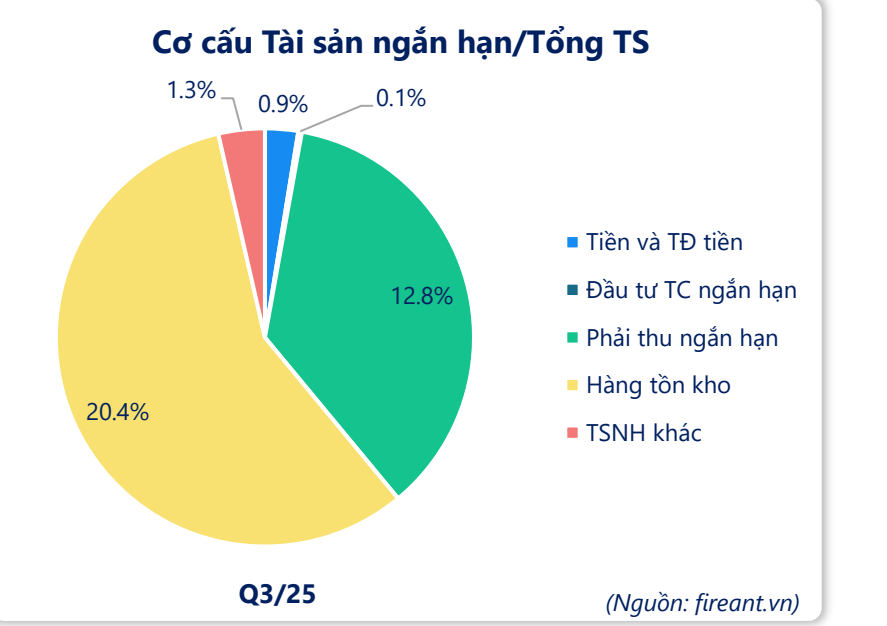
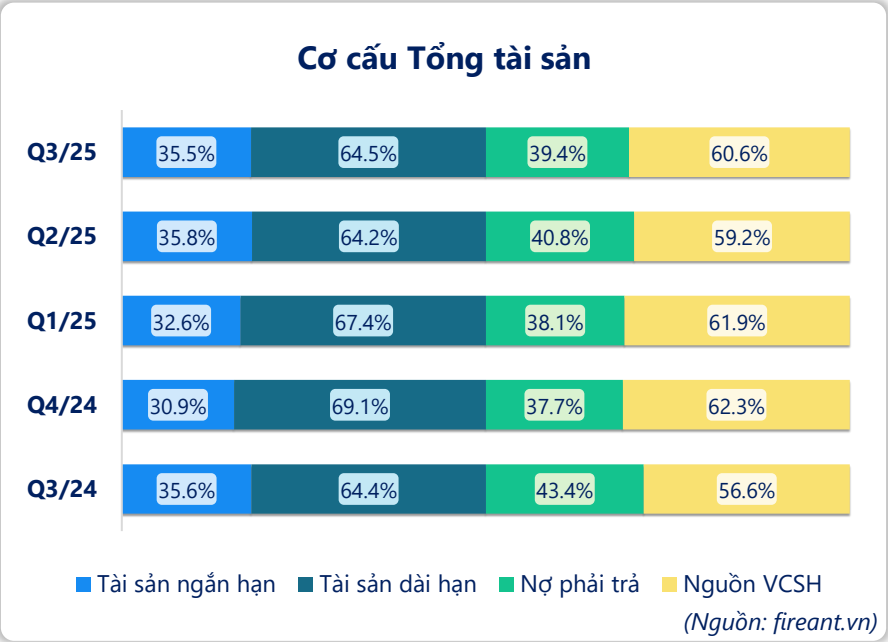
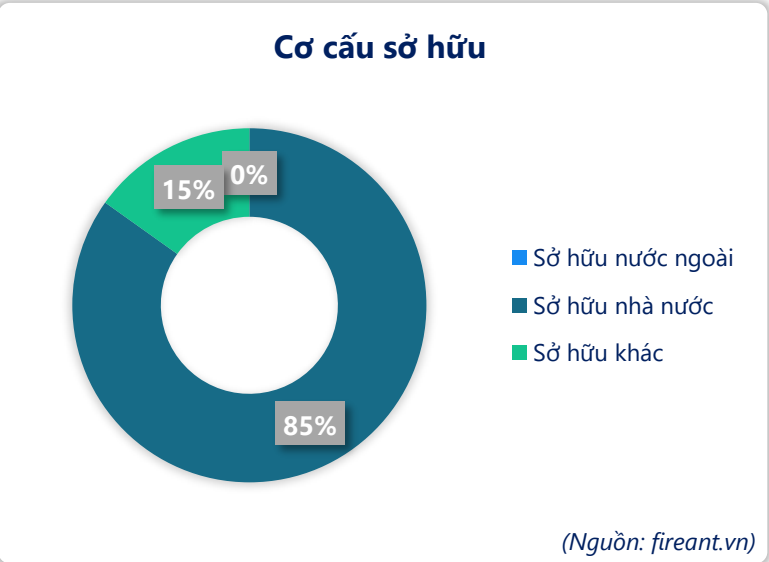
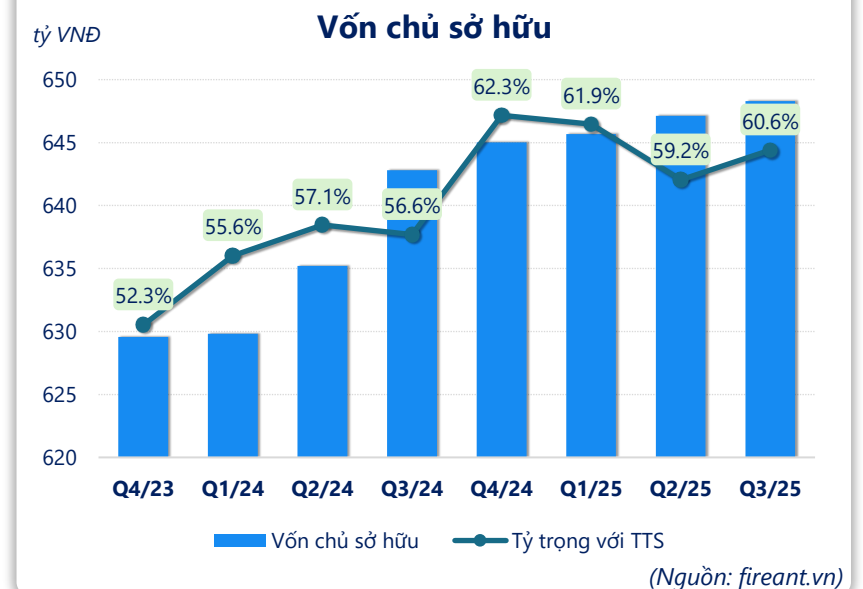
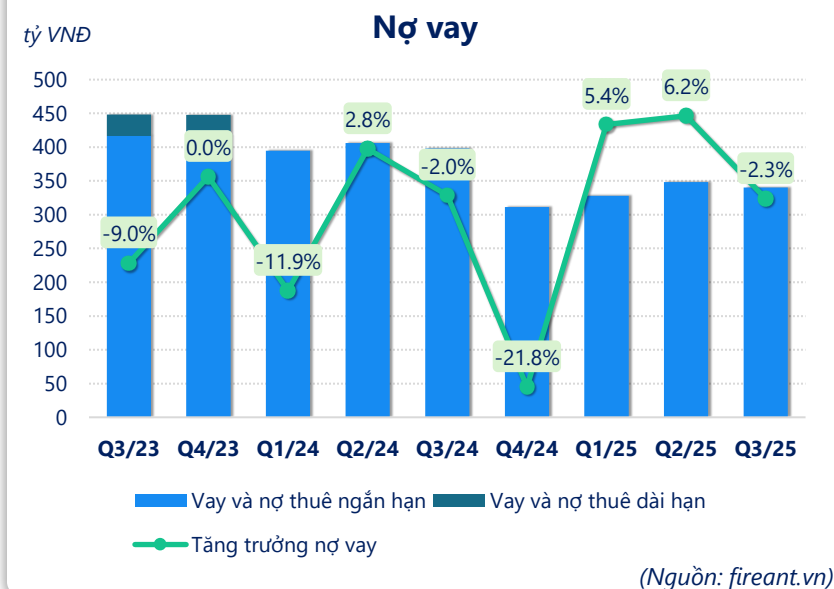
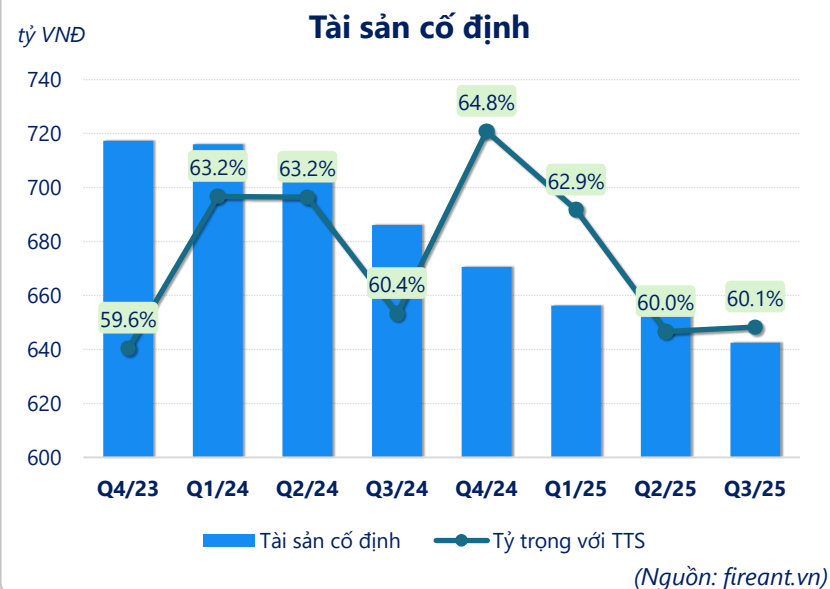
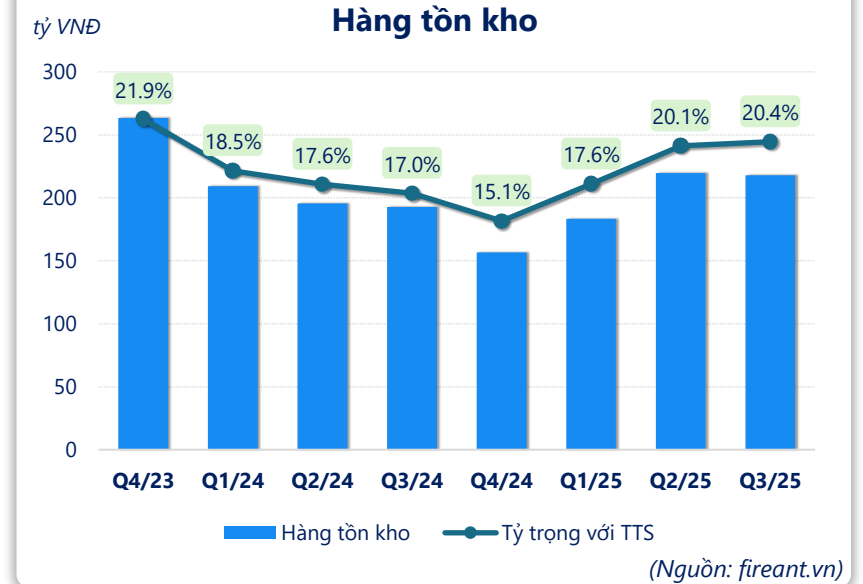
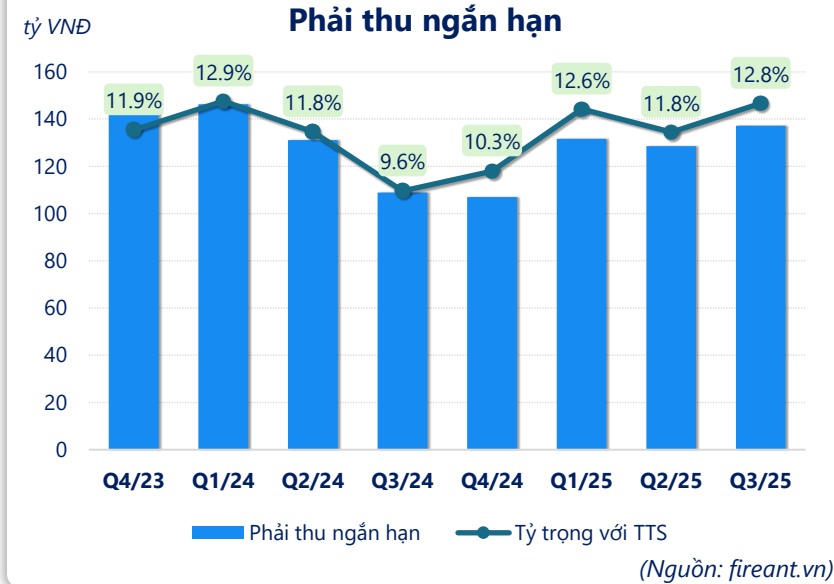
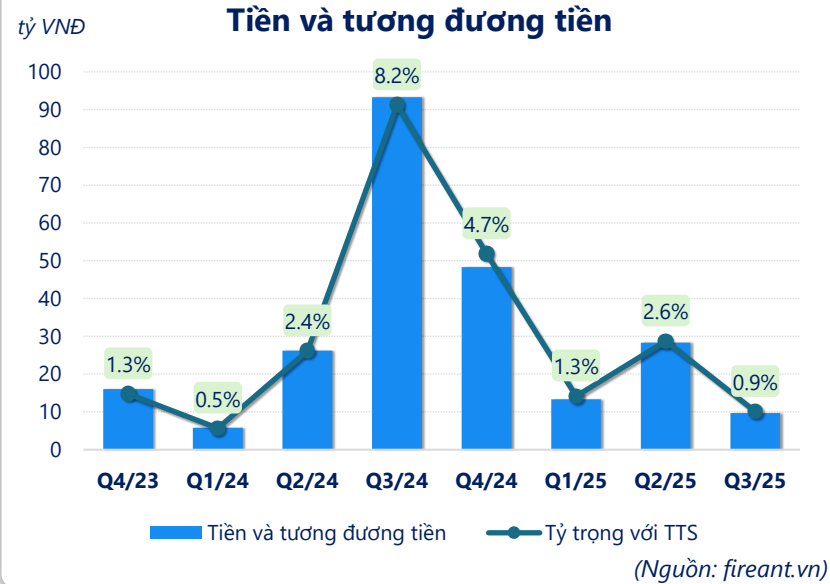
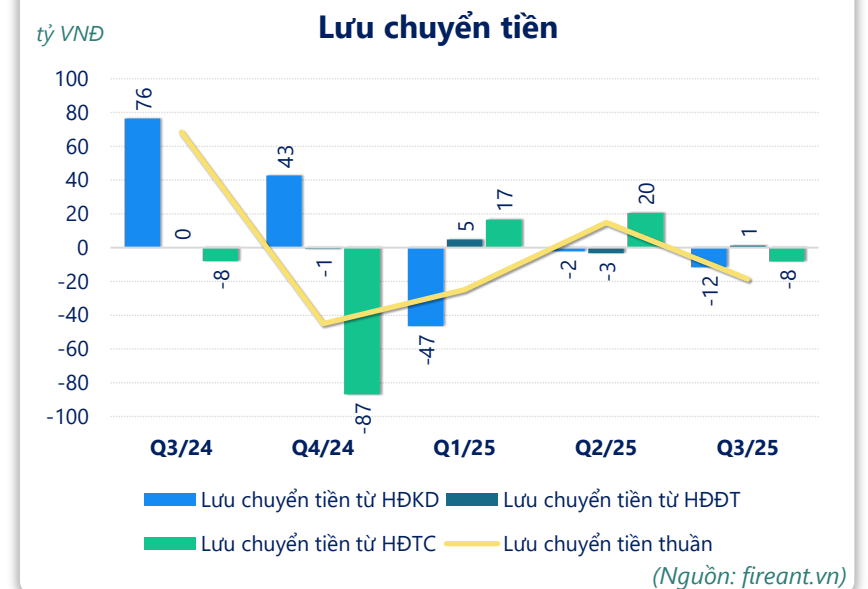
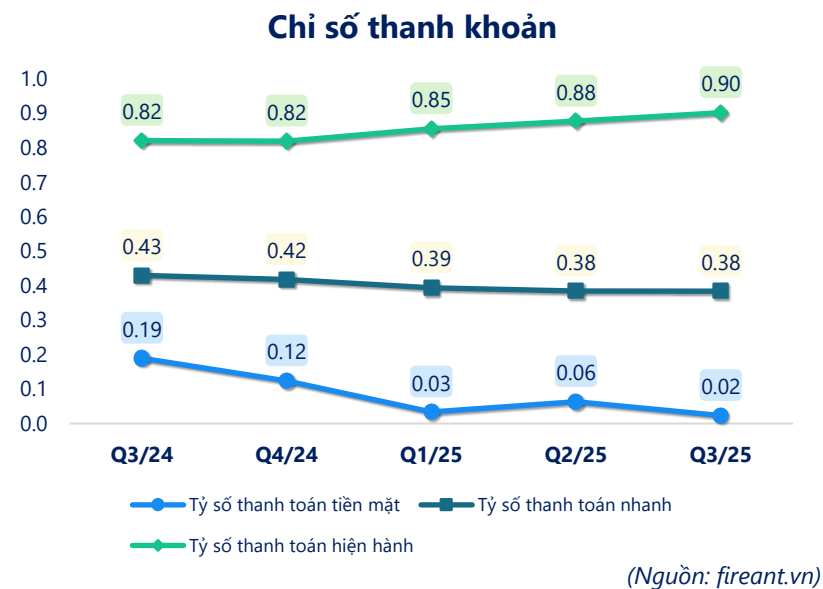
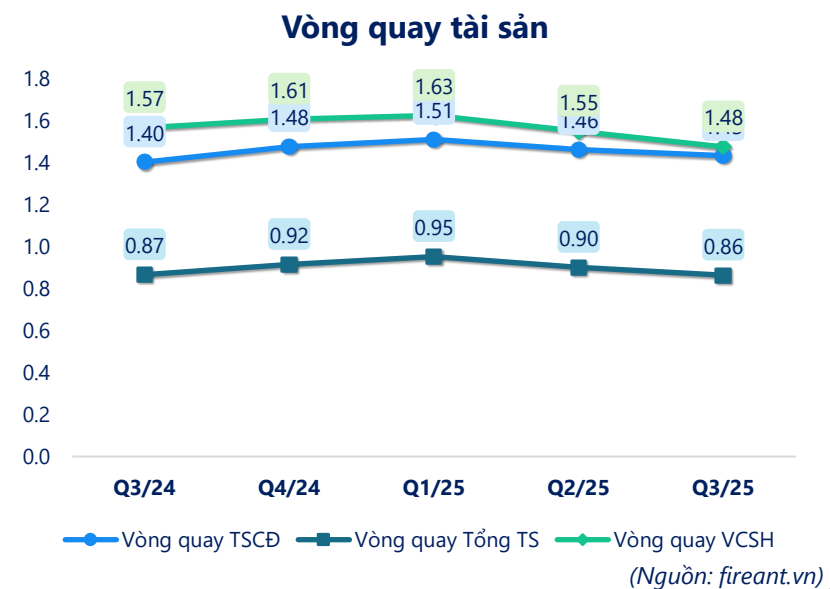
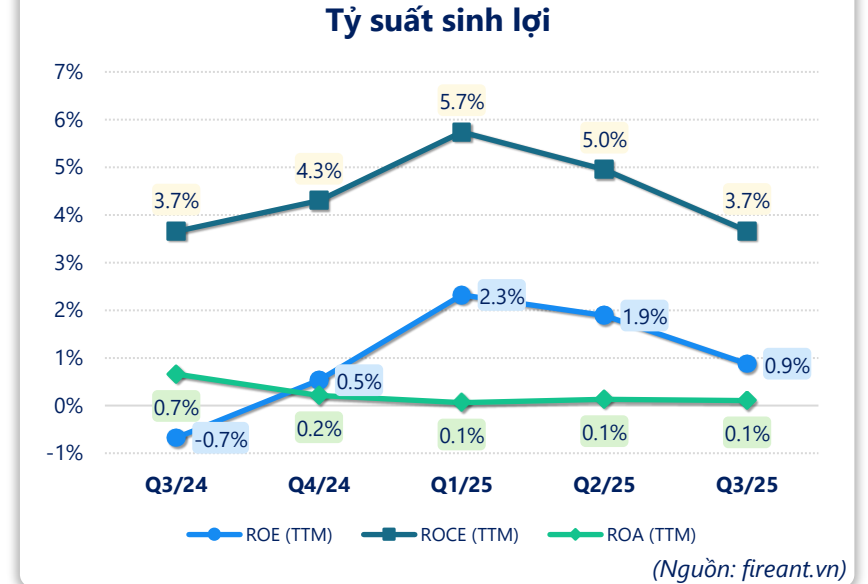
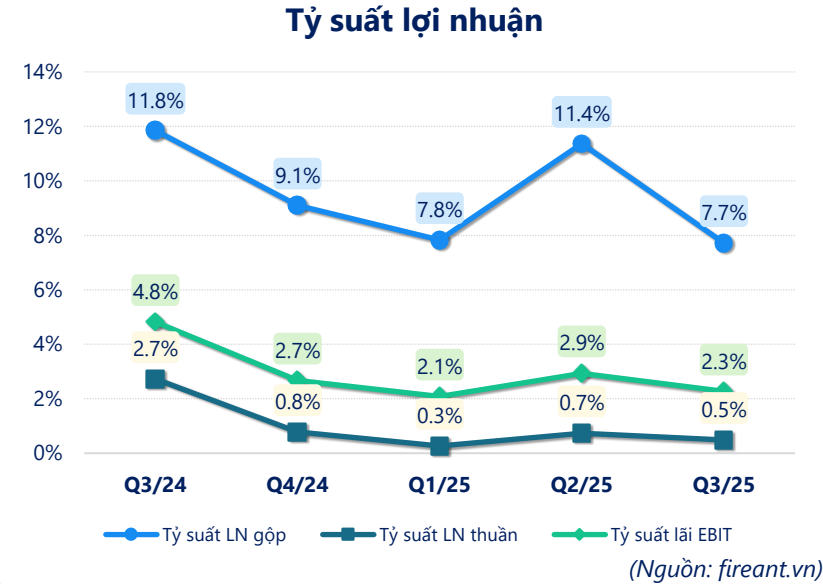
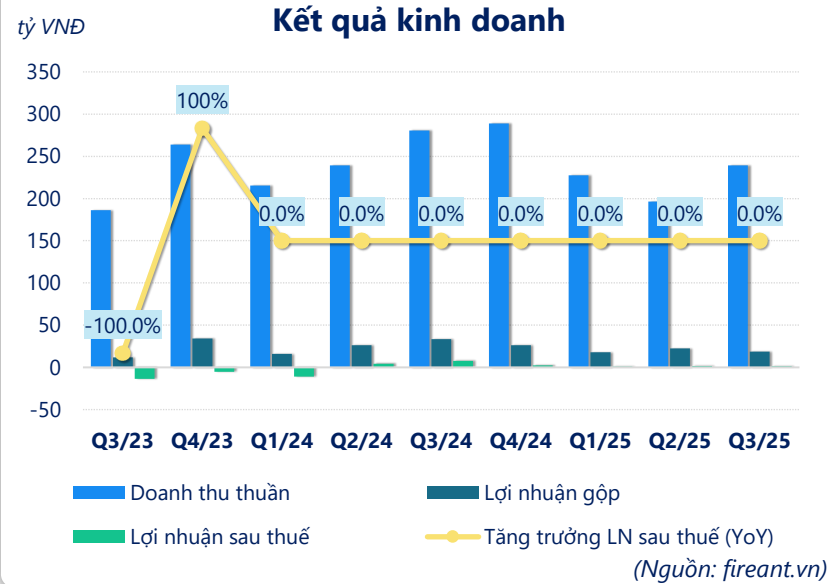


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
SL cổ phiếu LH		55,113,595
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,125
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		336
P/E		59.3
EPS		103

	YTD	1T	3T	6T
MDF	-12.9%	1.7%	-9.0%	-10.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,069	1,035	3.2%
Tài sản ngắn hạn	379	320	18.6%
Tiền và tương đương tiền	9.71	38.3	-74.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.05	10.0	-89.5%
Phải thu ngắn hạn	137	107	28.3%
Hàng tồn kho	218	157	39.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	7.81	74.2%
Tài sản dài hạn	690	716	-3.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	643	671	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.18	0.43	-58.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	44.0	41.6	5.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	421	390	7.8%
Nợ ngắn hạn	421	390	7.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	340	311	9.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.3	43.4	-4.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	648	645	0.5%
Vốn chủ sở hữu	648	645	0.5%
Vốn điều lệ	551	551	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	281	289	228	197	239
Giá vốn hàng bán	247	263	210	174	221
Lợi nhuận gộp	33.2	26.3	17.8	22.3	18.5
Doanh thu HĐTC	0.14	2.65	1.06	0.76	1.06
Chi phí TC	7.78	5.53	4.27	4.36	4.34
Chi phí lãi vay	5.91	5.33	4.08	4.32	4.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.8	16.4	10.5	13.6	10.3
Chi phí QLDN	3.19	4.74	3.54	3.70	3.73
LN thuần từ HĐKD	7.65	2.25	0.61	1.45	1.17
Lợi nhuận khác	-0.03	0.13	0.05	0.00	0.00
LN trước thuế	7.61	2.39	0.66	1.45	1.17
Lợi nhuận sau thuế	7.61	2.39	0.66	1.45	1.17
LNST của CĐ cty mẹ	7.61	2.39	0.66	1.45	1.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	76.4	42.7	-46.6	-2.19	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.84	4.91	-3.36	1.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.01	-86.9	16.7	20.5	-8.26
Tiền đầu kỳ	26.2	93.3	38.3	13.4	28.3
Lưu chuyển tiền thuần	68.4	-45.0	-25.0	14.9	-18.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.39	0.11	0.01	0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	93.3	48.3	13.4	28.3	9.71

(Nguồn: fireant.vn)